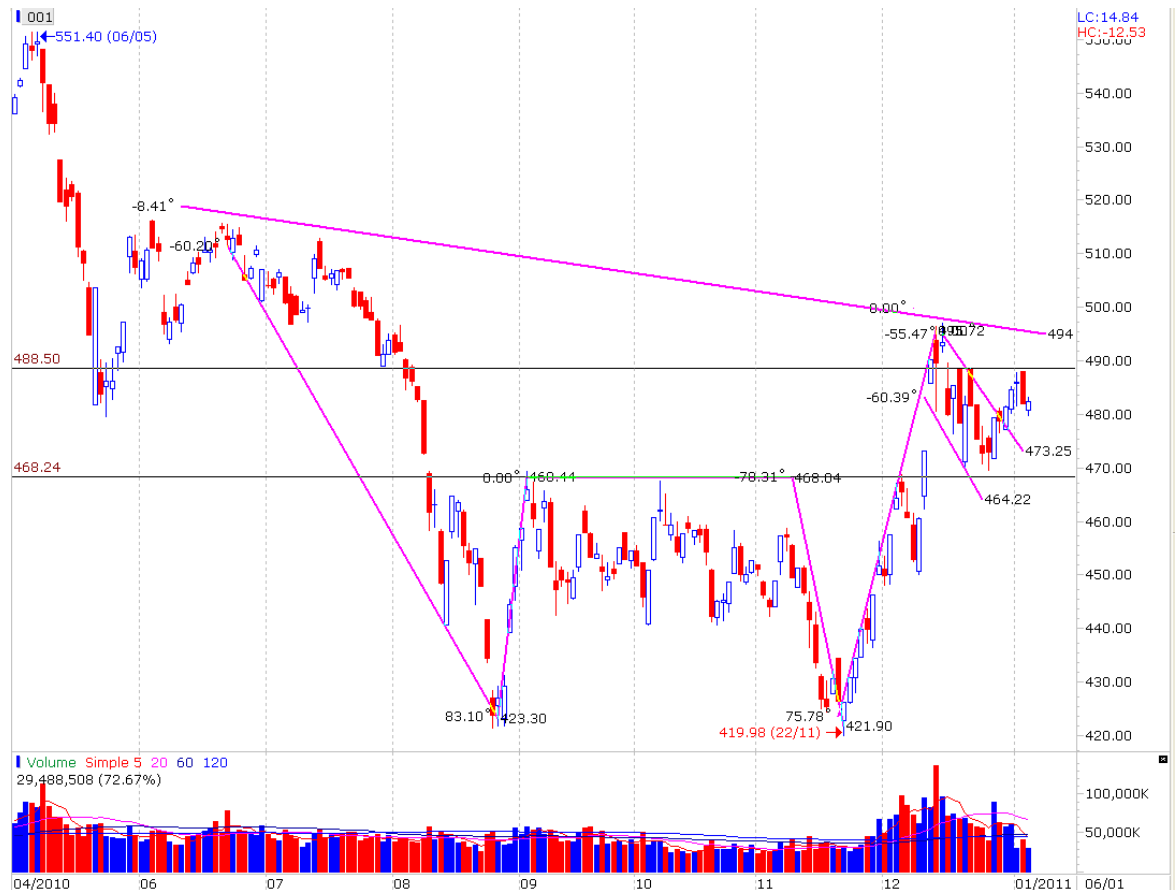


NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Ít sôi động



VN-Index tiếp tục có một phiên giao dịch ảm đạm. Thị trường mở cửa giảm 1,05 điểm xuống 480,86 điểm, đồng thời thanh khoản cũng giảm xuống còn 703 đơn vị, tương đương với 15,73 tỷ trong đợt 1. Bước vào đợt 2 cho tới kết thúc phiên, lực cầu không cải thiện trong khi bên bán hầu hết cũng chưa sẵn sàng bán với giá thấp. VN-Index chỉ giao động nhẹ với biên độ hẹp quanh tham chiếu trong suốt thời gian giao dịch và đóng cửa với 482,31 điểm, tăng 0,4 điểm, tương đương với mức tăng 0,08% so với phiên trước.

Việc VN-Index đóng cửa trong vùng tăng điểm có đóng góp quan trọng của cổ phiếu BVH và cổ phiếu nhóm ngân hàng. BVH đóng cửa tăng 2.000 đồng/cổ phiếu và các cổ phiếu nhóm ngân hàng như VCB, STB, CTG, EIB đều tăng nhẹ. Tuy nhiên, số cổ phiếu giảm giá vẫn chiếm áp đảo thị trường với 125 mã trong khi chỉ có 69 mã tăng và 86 mã đứng giá.

Thanh khoản giảm mạnh xuống mức thấp nhất kể từ 23/11. Toàn phiên chỉ có 29,49 triệu đơn vị khối lượng, tương đương với 699,47 tỷ đồng giá trị được chuyển nhượng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chỉ đạt 2,4 triệu đơn vị, tương đương với 6,32 % tổng khối lượng giao dịch. EIB dẫn đầu về thanh khoản với 2,69 triệu cổ phiếu được sang tay. SSI cũng có hơn 1,8 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối lượng mua ròng của khối ngoại tăng lên 75,5 tỷ đồng, trong đó họ mua vào 116,9 tỷ đồng và bán ra 41,4 tỷ đồng.

Thị trường có một phiên hồi phục nhẹ với khối lượng giao dịch yếu cho thấy sự ngạp

ngừng của cả bên mua và bên bán. Thị trường vẫn đang biến động trong khu vực 470-494 tuy nhiên xu hướng này không thể kéo dài mãi thị trường sẽ phải đi lên hoặc đi xuống (break out hoặc break down). Chúng tôi chuyển sang quan điểm tích cực hơn về thị trường. Nhà đầu tư có thể ngắn hạn có thể mua vào khi thị trường bật mạnh cả về điểm số và khối lượng giao dịch tạo ra mô hình Flag pattern. Nhà đầu tư trung dài hạn có thể từ từ mua vào cổ phiếu. Hỗ trợ mạnh tại 467 điểm. Nếu thị trường rơi xuống dưới 467 điểm thì xu hướng tăng điểm đã bị suy yếu mạnh và nhà đầu tư nên thoát ra khỏi thị trường khi thị trường hồi phục.

HNX: Chạm hỗ trợ 110 điểm



HNX-Index không có nhiều thay đổi trong phiên hôm nay. Chỉ số chỉ giao động nhẹ quanh tham chiếu trong suốt thời gian giao dịch và kết thúc phiên với 111,44 điểm, tăng nhẹ 0,28 điểm, tương đương với mức tăng 0,25% so với phiên trước.

Thanh khoản giảm mạnh với chỉ 19,58 triệu cổ phiếu, tương đương với 385,4 triệu giá trị được chuyển nhượng. Đây là mức thấp nhất kể từ phiên ngày 1/11/2010 trên sàn HNX. KLS, PVX, HBB là các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất. Tại thời điểm kết thúc phiên, có 134 mã giảm giá, 120 mã đứng giá và 119 mã tăng giá. Một số cổ phiếu penny-chips như TIG, DLR, MKV, TMC, SJ1... tăng trần trong khi các cổ phiếu như VHL, TH1, HTB, GHA... giảm sàn.

Khối ngoại toàn phiên mua ròng 5,58 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất gồm PVX, PVS, KLS trong khi DBC, BCC, ICG bị bán ròng nhiều nhất.

HNX hôm nay chạm vào hỗ trợ 110 điểm và bật nhẹ lên, xu hướng bật nhẹ lên khá yếu cho thấy ngưỡng 110 điểm vẫn khá rủi ro. Mức kháng cự gần nhất là 116 điểm và nhà đầu tư nên gia tăng lượng cổ phiếu nắm giữ nếu thị trường vượt khỏi mức này. Mức hỗ trợ gần nhất là 110 điểm, nếu lực bán tăng mạnh thì thị trường sẽ diễn biến rất xấu theo mô hình vai – đầu-vai và mức cắt lỗ là 110 điểm. Thị trường sẽ thử nghiệm mốc 108-110 điểm trong vài ngày tới và nhà đầu tư nên bán ra khi HNX-Index giảm xuống dưới 108-110 điểm.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Trái với biến động của 2 sàn, hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm PVN đều giảm giá hoặc đứng giá trong phiên hôm nay. Trong 30 cổ phiếu niêm yết, chỉ có 4 cổ phiếu tăng giá, 11 cổ phiếu đứng giá và 15 cổ phiếu giảm giá tuy nhiên mức giảm không lớn. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,42% và tổng khối lượng giao dịch đạt 5,8 triệu đơn vị. PVX dẫn đầu về khối lượng giao dịch với trên 2 triệu cổ phiếu.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 06/01:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	20,000	106,400	↓ -0.99	1.51	8.60	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	11,800	1,300	↑ 2.61	1.07	37.63	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	10,100	14,700	↑ 1.00	1.30	105.65	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	13,200	111,000	↓ -0.75	0.58	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	25,800	130,600	→ 0.00	1.70	2.06	HNX
6	PHH	CTCP Hồng Hà Dầu khí	14,600	14,600	↓ -2.01	1.25	6.04	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13,200	147,600	↑ 0.76	1.14	10.27	HNX
8	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PMI	10,700	57,900	↓ -3.60	0.67	N/A	HNX
9	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	43,200	136,500	↓ -0.46	2.31	6.29	HNX
10	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	26,300	227,800	→ 0.00	2.03	6.71	HNX
11	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	15,800	26,000	→ 0.00	1.40	6.66	HNX
12	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,300	40,900	↓ -0.75	0.60	9.99	HNX
13	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,700	93,400	→ 0.00	1.64	7.82	HNX
14	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	14,400	343,300	↓ -1.37	1.28	N/A	HNX
15	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	11,600	27,300	→ 0.00	0.66	21.82	HNX
16	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,900	158,700	→ 0.00	1.72	5.47	HNX
17	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	14,300	2,200	↓ -1.38	1.17	5.56	HNX
18	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	21,700	2,009,300	↓ -0.46	1.44	6.99	HNX
19	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	38,000	983,010	→ 0.00	2.57	8.78	HSX
20	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17,000	145,680	↓ -0.58	1.02	6.94	HSX
21	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	36,000	86,160	↑ 1.98	3.22	5.32	HSX
22	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	12,300	129,010	→ 0.00	0.52	13.60	HSX
23	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52,000	105,340	↓ -0.95	3.94	14.89	HSX
24	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	24,000	54,920	↓ -1.64	2.24	48.91	HSX
25	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,200	137,260	→ 0.00	0.86	40.08	HSX
26	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	14,900	102,800	↓ -1.32	1.43	6.73	HSX
27	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	10,200	313,480	↓ -1.92	0.92	N/A	HSX
28	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,800	44,630	→ 0.00	1.09	9.91	HSX
29	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14,000	35,800	↓ -0.71	1.32	6.01	HSX
30	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10,000	22,830	→ 0.00	0.85	12.60	HSX
31	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	12,000	34,300	→ 0.00	1.07	26.89	UPCOM
32	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	5,600	100	↓ -1.75	0.57	N/A	UPCOM
33	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
34	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,500	3,800	→ 0.00	0.77	N/A	UPCOM
35	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7,200	10,300	↑ 1.41	0.72	N/A	UPCOM
36	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đồng Dương	8,400	-	→ 0.00	0.84	N/A	UPCOM
37	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,500	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Thị trường Mỹ: Theo báo cáo của ADP số việc làm tháng 12 trong lĩnh vực tư nhân tăng thêm 297,000, mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2001 và gấp 3 lần so với dự báo 100,000 việc làm của các nhà kinh tế.

Bên cạnh lĩnh vực công nghiệp, Viện quản lý nguồn cung (ISM) cho biết lĩnh vực dịch vụ cũng được cải thiện trong tháng 12. Chỉ số dịch vụ tháng 12 tăng lên 57.1 điểm, mức cao nhất kể từ năm 2006, vượt đà leo thang 55 điểm trong tháng 11.

Khu vực Eurozone: Chính phủ nước Anh cho biết nước này vừa nâng thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 17.5% lên 20% nhằm cắt giảm thâm hụt chi tiêu công hiện đang đứng gần mức cao kỷ lục. Việc cắt giảm này kỳ vọng sẽ thu được 13 tỷ bảng Anh, góp phần hạ thấp thâm hụt ngân sách hiện đang đứng ở mức 149 tỷ bảng Anh (tương đương 232.4 tỷ USD).

Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 11 của Eurozone tăng 0.3% so với tháng 10 và 4.5% so với cùng kỳ năm ngoái. Số đơn đặt hàng công nghiệp tháng 10 tại Eurozone tăng 1.4% so với tháng trước và 14.8% so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên hai mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn dự báo 1.7% và 18.5%. Chỉ số quản lý thu mua (PMI) tháng 12 của Eurozone đứng yên ở mức cao 3 tháng 55.5 điểm, nhờ sự tăng trưởng mạnh của Đức và Pháp. PMI dịch vụ tháng 12 giảm xuống 54.2 điểm từ mức 55.4 điểm trong tháng 11 nhưng cao hơn dự báo 53.7 điểm.

Tình hình trong nước: So với lãi suất tiền gửi ngoại tệ đang được các ngân hàng huy động hiện nay dao động trên 5%/năm, lãi suất tiền gửi bằng VND không cao nhiều nên khó thu hút vốn trong nhân dân. Bắt đầu từ ngày 1/1/2011, khi Luật NHNN và Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực, NHNN sẽ có thể áp dụng các quy định về cơ chế điều chỉnh hạ lãi suất tiền gửi ngoại tệ và tăng lãi suất cho vay ngoại tệ để người dân ít quan tâm hơn tới ngoại tệ mà chuyển sang gửi bằng VND

Giá vàng trong nước hôm nay đã tăng nhẹ 15,000 đồng/lượng, tại một số cửa hàng, vàng được giao dịch ở mức 35,75/35,85 triệu đồng/lượng Tỷ giá đô la quay mốc 21,000, hôm nay tỷ giá tự do tại một số cửa hàng ở mức 21,000/21,040 (mua vào/bán ra).

THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ

Nguồn: Reuters, Google
Finance; CNNMoney,
CNBC

Giá dầu kỳ hạn (NYMEX)



Giá vàng kỳ hạn (COMEX)



Các thông tin tích cực được công bố từ Mỹ tiếp tục hạ giá vàng. Giá dầu tăng nhẹ trở lại

Giá vàng tiếp tục giảm: thông tin tích cực về việc làm ở Mỹ phần nào thể hiện nền kinh tế lớn nhất thế giới đang trên đà hồi phục, tạo lực đẩy khiến đồng đô la tăng giá. Với việc đồng đô la mạnh lên, giá vàng hôm nay tiếp tục giảm, giá vàng giao ngay trên sàn COMEX vào 12:00 GMT+7 ở mức 1376\$/ounce, giảm 0.12%. Giá vàng kỳ hạn giao tháng 2 giảm xuống mức 1376.5\$/ounce

Giá dầu tăng nhẹ lên trên 90\$: thông tin tích cực về sản xuất công nghiệp và dịch vụ của Mỹ, tuy khiến đồng đô la tăng giá, nhưng đồng thời cũng tạo ra sự lạc quan trên thị trường hàng hoá. Giá dầu kỳ hạn trên sàn New York tăng trở lại và giao dịch ở mức 90.63USD/thùng (+0,37%). Giá dầu Brent tăng 0.04% lên 95.54\$/thùng

Kim ngạch xuất khẩu hàng tiêu dùng tăng: theo số liệu thống kê, kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày của Việt Nam tháng 10 tháng đầu năm 2010 đạt 2,1 tỉ USD, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 3,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của cả nước 10 tháng đầu năm 2010.

Giá khoáng sản, thiết bị ô tô tiếp tục tăng trong năm 2011: theo dự báo của ngân hàng RBS, nhu cầu gia tăng từ các thị trường đang nổi như Trung Quốc sẽ đẩy giá hàng hoá tăng trong năm 2011. Giá các kim loại và khoáng sản sẽ là những mặt hàng tiếp tục có mức tăng mạnh nhất trong năm mới, các hàng hoá như uranium, bạc, đồng và paladi, các loại được sử dụng nhiều trong sản xuất phụ tùng ô tô cũng sẽ có mức tăng do nhu cầu xe hơi ở Trung Quốc đang tăng lên.

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010
CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010
CTCP Gỗ MDF - Geruco - Quảng Trị	HNX	344.46	17/12/2010

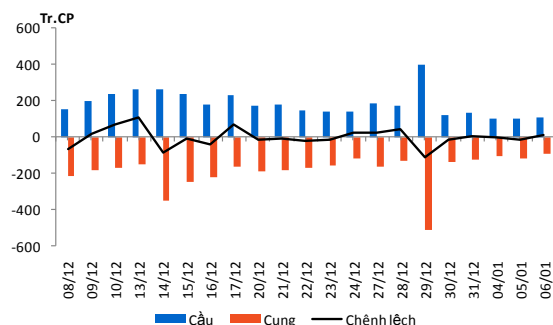
Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDG	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV	TVD	HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	26.00		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam	PPS	HNX	150.00		07/01/2011
CTCP Dịch vụ Bến Thành	BSC	HNX	30.00		05/01/2011
CTCP vận tải biển Hải Âu	SSG	HNX	50.00		05/01/2011

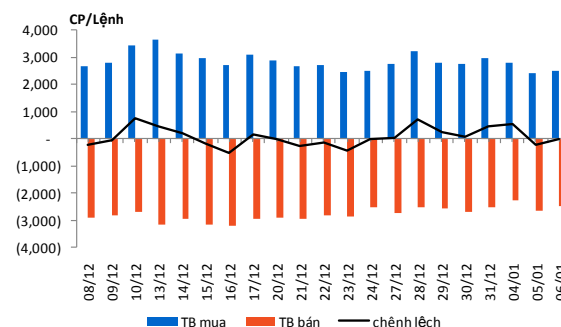
Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

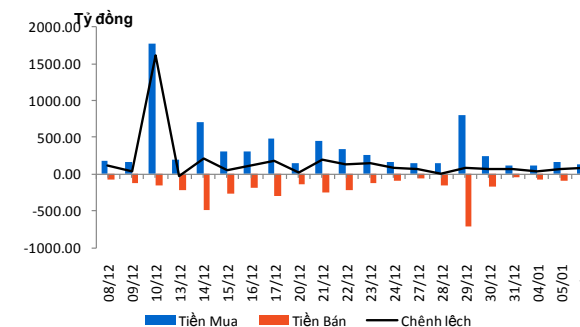
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)

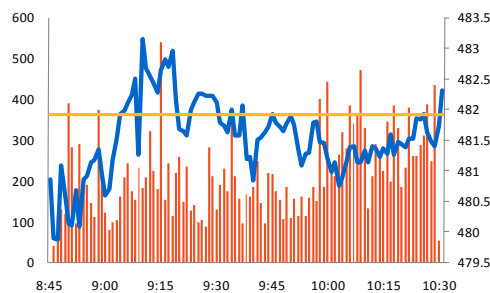


Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



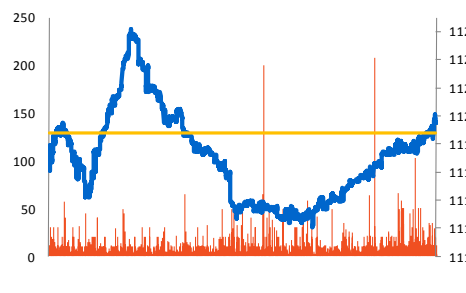
HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	482.31 ↑	0.40	0.08%
KLGD (triệu ck)	29.49 ↓	-11.09	-27.33%
GTGD (tỷ đồng)	697.72 ↓	-306.55	-30.52%
Tổng cung (triệu ck)	56.57 ↓	-14.97	-20.93%
Tổng cầu (triệu ck)	61.78 ↑	3.76	6.49%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.10 ↓	-0.64	-17.14%
KL bán (triệu ck)	1.36 ↓	-1.12	-45.10%
Giá trị mua (tỷ đồng)	116.92 ↓	-29.72	-20.27%
Giá trị bán (tỷ đồng)	41.44 ↓	-48.61	-53.98%



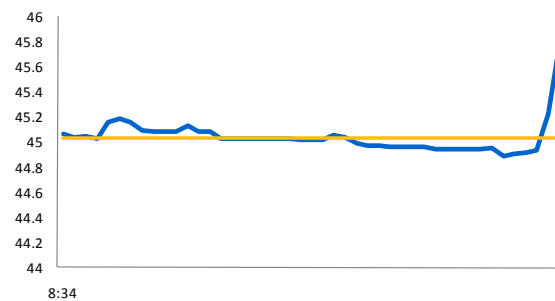
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	111.44 ↑	0.28	0.25%
KLGD (triệu ck)	19.58 ↓	-9.07	-31.65%
GTGD (tỷ đồng)	385.42 ↓	-164.72	-29.94%
Tổng cung (triệu ck)	35.63 ↓	-13.57	-27.58%
Tổng cầu (triệu ck)	43.44 ↓	-2.76	-5.98%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.39 ↓	-0.41	-51.45%
KL bán (triệu ck)	0.17 ↑	0.01	6.49%
Giá trị mua (tỷ đồng)	9.27 ↓	-8.62	-48.19%
Giá trị bán (tỷ đồng)	3.69 ↑	0.75	25.71%



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	45.82 ↑	0.79	1.75%
KLGD (triệu ck)	0.13 ↓	-0.02	-13.34%
GTGD (tỷ đồng)	1.45 ↑	0.11	8.02%
Tổng cung (triệu ck)	0.67 ↓	-0.10	-12.57%
Tổng cầu (triệu ck)	0.52 ↑	0.02	3.46%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.01 ↑	0.01	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	31,300	31,200	-0.32	60,343
EIB	15,000	15,200	1.33	40,158
DPM	38,000	38,000	0.00	37,361
HAG	79,500	80,000	0.63	25,057
GMD	32,200	31,700	-1.55	20,973

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VTF	14,200	14,900	700	4.93
NVN	22,500	23,600	1,100	4.89
VPL	44,400	46,500	2,100	4.73
PAN	17,500	18,300	800	4.57
ATA	26,600	27,800	1,200	4.51

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VLF	26,000	24,700	-1,300	-5.00
ELC	48,000	45,600	-2,400	-5.00
TRI	6,100	5,800	-300	-4.92
NSC	34,700	33,000	-1,700	-4.90
LGC	29,000	27,600	-1,400	-4.83

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DPM	31,728	VIC	8,294
HAG	18,237	DPM	6,621
KDC	9,737	GMD	5,522
PVD	5,322	VSH	3,603
SSI	4,813	TCM	2,456

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	21,800	21,700	-0.46	43,130
VCG	24,300	24,400	0.41	29,639
KLS	15,800	15,800	0.00	28,908
SHN	23,000	23,000	0.00	26,669
VND	23,000	22,700	-1.30	26,640

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
S64	14,300	15,300	1,000	6.99
VCH	11,500	12,300	800	6.96
KTS	34,600	37,000	2,400	6.94
S12	14,500	15,500	1,000	6.90
DLR	29,100	31,100	2,000	6.87

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PMS	20,100	18,700	-1,400	-6.97
KST	21,700	20,200	-1,500	-6.91
TH1	36,200	33,700	-2,500	-6.91
S91	17,400	16,200	-1,200	-6.90
VHL	49,400	46,000	-3,400	-6.88

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVX	2,012	DBC	2,268
PVS	1,184	VND	407
VND	951	ICG	199
PVC	915	TDN	173
VCG	829	BCC	165

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
NT2	12,000	12,000	0.00	393
MAX	26,400	28,500	7.95	214
UDJ	11,200	11,000	-1.79	187
SPD	10,800	10,800	0.00	110
PSP	7,100	7,200	1.41	73

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
NDC	7,000	7,700	700	10.00
PDN	42,300	46,500	4,200	9.93
DNS	9,100	10,000	900	9.89
ACE	17,000	18,600	1,600	9.41

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
ACC	30,500	27,000	-3,500	-11.48
TCO	13,000	11,700	-1,300	-10.00
WSB	21,200	19,100	-2,100	-9.91
DBM	29,800	26,900	-2,900	-9.73
ND2	6,900	6,300	-600	-8.70

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HIG	12		0

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339